

BỘ TƯ PHÁP
Số: 03/2005/TT-BTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2005

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP
ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản**

Căn cứ Nghị định số 62/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 1 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 1 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 05/2005/NĐ-CP) như sau:

1. Về người có tài sản bán đấu giá

Người có tài sản bán đấu giá quy định tại Khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP là cá nhân, tổ chức sau đây:

- Chủ sở hữu tài sản hoặc người được chủ sở hữu uỷ quyền bán tài sản;
- Cơ quan Thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự;
- Cơ quan ra quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;
- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý tài sản nhà nước;
- Ngân hàng, tổ chức tín dụng đối với tài sản bảo đảm;
- Cá nhân, tổ chức khác có quyền bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật.

2. Về lựa chọn người bán đấu giá

2.1. Đối với tài sản để thi hành án là bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất hoặc động sản có giá trị từ mười triệu đồng trở lên, thì cơ quan thi hành án ký hợp đồng uỷ quyền cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản (sau đây gọi tắt là Trung tâm) hoặc doanh nghiệp bán đấu giá tài sản thực hiện việc bán đấu giá.

2.2. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị từ mười triệu đồng trở lên bị tịch thu, bán sung quỹ nhà nước, thì người đã ra quyết định tịch thu phải chuyển giao tài sản cho Trung tâm theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 để Trung tâm thực hiện việc bán đấu giá.

2.3. Đối với các loại tài sản quy định tại Khoản 3, 4, 5 Điều 5 của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP, thì người có tài sản bán đấu giá lựa chọn Trung tâm hoặc doanh nghiệp bán đấu giá tài sản để uỷ quyền bán đấu giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.4. Đối với tài sản nhà nước quy định tại Khoản 6 Điều 5 của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP, thì việc lựa chọn người bán đấu giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý về tài sản đó quyết định.

Việc bán đấu giá tài sản nhà nước quy định tại điểm này phải được thực hiện theo thủ tục bán đấu giá tài sản quy định tại Nghị định 05/2005/NĐ-CP.

3. Việc Hợp đồng uỷ quyền bán đấu giá tài sản

3.1. Đối với các trường hợp quy định tại điểm 2.1, 2.3, 2.4 của Thông tư này, thì người có tài sản bán đấu giá ký hợp đồng uỷ quyền bán đấu giá tài sản với người bán đấu giá theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP.

3.2. Việc ký kết và thực hiện hợp đồng uỷ quyền bán đấu giá tài sản được thực hiện theo các quy định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP và Bộ luật Dân sự.

Hợp đồng uỷ quyền bán đấu giá tài sản được ký kết giữa Giám đốc Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản hoặc Giám đốc doanh nghiệp bán đấu giá tài sản với người có tài sản bán đấu giá hoặc người đại diện của người đó.

4. Về việc rút lại đăng ký mua tài sản bán đấu giá

Trong thời hạn đăng ký mua tài sản bán đấu giá, người đã đăng ký mua tài sản theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP có thể rút lại việc đăng ký mua tài sản và được hoàn trả ngay khoản tiền đặt trước.

5. Về thủ tục chi tiết áp dụng đối với các hình thức đấu giá

5.1. Việc tiến hành cuộc bán đấu giá tài sản theo các hình thức đấu giá quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP được tuân theo thủ tục bán đấu giá tài sản quy định tại Chương II của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP, các thủ tục chi tiết quy định tại Mục này và Nội quy cuộc bán đấu giá do người bán đấu giá quy định.

Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 14, điểm a Khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP, người bán đấu giá quy định cụ thể về khoản tiền đặt trước và mức chênh lệch của mỗi lần trả giá áp dụng cho từng cuộc bán đấu giá.

5.2. Đối với hình thức đấu giá trực tiếp bằng lời nói: Người tham gia đấu giá trả trực tiếp bằng lời nói. Sau mỗi lần người tham gia đấu giá trả giá, người điều hành cuộc bán đấu giá nhắc lại ba lần một cách rõ ràng, chính xác bằng lời nói giá đã trả cao nhất, mỗi lần cách nhau ba mươi giây.

5.3. Đối với hình thức đấu giá bằng bỏ phiếu:

- a) Trước khi tiến hành bỏ phiếu, người điều hành cuộc bán đấu giá, người có tài sản bán đấu giá có thể thoả thuận về cách thức bỏ phiếu, số vòng bỏ phiếu tối đa;
- b) Trong trường hợp thực hiện cách thức bỏ phiếu nhiều vòng, thì người điều hành cuộc bán đấu giá phát cho mỗi người tham gia đấu giá một tờ phiếu và yêu cầu họ ghi giá muốn trả vào phiếu của mình. Sau khi thu hết các phiếu đã phát, người điều hành cuộc bán đấu giá thông báo công khai về giá đã trả của từng người, giá trả cao nhất của vòng bỏ phiếu và tiếp tục phát phiếu cho những người tham gia đấu giá để bắt đầu trả giá cho vòng tiếp theo. Mức giá cao nhất đã trả ở vòng trước được gọi là giá khởi điểm của vòng trả giá tiếp theo.

Việc đấu giá kết thúc khi đã thực hiện hết số vòng bỏ phiếu tối đa hoặc trong trường hợp tất cả những người tham gia đấu giá tự nguyện từ chối bỏ phiếu tiếp;

c) Người điều hành cuộc bán đấu giá chỉ được công bố người mua được tài sản bán đấu giá nếu sau ba lần nhắc lại giá người đó đã trả mà không có người nào trả giá cao hơn. Trong trường hợp có từ hai người trở lên cùng trả một giá, thì những người này phải tiếp tục tham gia trả giá cho đến khi có người trả giá cao nhất; người trả giá cao nhất là người mua được tài sản bán đấu giá. Trong trường hợp những người cùng trả một giá tự nguyện từ chối tiếp tục tham gia trả giá, thì người điều hành cuộc bán đấu giá tổ chức việc rút thăm giữa những người đó và công bố người rút trúng thăm là người mua được tài sản bán đấu giá.

5.4. Đối với hình thức đấu giá thông qua mạng Internet: Người bán đấu giá tài sản có phương tiện, trang thiết bị tin học phục vụ việc đấu giá thông qua mạng Internet thì có thể lựa chọn hình thức đấu giá này để tiến hành cuộc bán đấu giá.

Căn cứ vào các quy định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP và pháp luật về kinh doanh dịch vụ qua mạng Internet, người bán đấu giá tài sản xây dựng quy chế về bán đấu giá tài sản thông qua mạng Internet để áp dụng đối với hình thức đấu giá này.

5.5. Đối với các hình thức đấu giá khác do người có tài sản bán đấu giá và người bán đấu giá tài sản thoả thuận thì cũng tuân theo các nguyên tắc, thủ tục bán đấu giá tài sản quy định tại Nghị định số 05/2005/NĐ-CP và Thông tư này.

6. Về văn bản bán đấu giá tài sản

6.1. Văn bản bán đấu giá tài sản quy định tại Điều 18 của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP là Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá giữa một bên là người bán đấu giá tài sản và một bên là người mua được tài sản bán đấu giá, có giá trị pháp lý theo quy định của Bộ luật Dân sự.

6.2. Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá phải có chữ ký của đấu giá viên đại diện cho người bán đấu giá tài sản và người mua được tài sản bán đấu giá.

Trong trường hợp người điều hành cuộc bán đấu giá không phải là đấu giá viên, thì người điều hành cuộc bán đấu giá tài sản lập Hợp đồng để đấu giá viên chịu trách nhiệm về việc bán đấu giá tài sản đó ký và đóng dấu.